

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 6 - 2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỏ G, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký cư trú: Bản K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn B, sinh năm 1980.

Địa chỉ nơi cư trú: Bản K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt;

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con ngày 19/3/2025 và biên bản lấy tự khai ngày 08/4/2025 và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị G trình bày: Chị và anh B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 19/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh B tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến tháng 02 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, thường cãi vã, xích mích nhau; anh B dùng lời lẽ xúc phạm và có hành động đánh đập chị, làm tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Vợ

chồng sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Trước đây, trong đơn khởi kiện chị trình bày vợ chồng có một con chung tên là Hồ Văn B, sinh ngày 24/8/2018, hiện đang sinh sống cùng chị. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ, xem xét lại, chị nhận thấy con Hồ Văn B là con riêng của chị, được sinh ra trước thời điểm vợ chồng kết hôn, do đó chị xác nhận con Hồ Văn B không phải là con chung của vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án: Do bản thân đang cư trú và làm việc tại địa bàn vùng miền núi của tỉnh Quảng Trị, các con riêng đang còn nhỏ và sức khỏe không đảm bảo nên bản thân chị không thể trực tiếp đến tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

* Bị đơn anh Hồ Văn B vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa nhưng theo biên bản xác minh ngày 11/4/2025 thể hiện: Anh B có đăng ký cư trú tại bản K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, hiện anh B đang có mặt, làm ăn sinh sống tại địa phương. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/4/2025, anh B trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống anh nhất trí như sự trình bày của chị G. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị G tự ý bỏ đi khỏi nhà từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị G không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án: Anh thừa nhận việc bản thân đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi, tuy nhiên do anh bị ốm, không trực tiếp đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh B chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị Mỏ G xử cho chị Hồ Thị Mỏ G ly hôn anh Hồ Văn B; về con chung và tài sản chung, nợ chung: Cả chị G và anh B đều thừa nhận không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Trên cơ sở nội dung vụ án, sự trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Trợ giúp viên pháp lý xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Mỏ G là có căn cứ vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B cũng có nguyện vọng ly hôn nên đề nghị

Hội đồng xét xử xử cho chị G được ly hôn anh B. Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Cả chị G và anh B đều thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, tuy chị G là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc diện được miễn án phí nhưng do chị G không có đơn đề nghị miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh B có nơi cư trú tại bản K, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn chị G có mặt nhưng bị đơn anh B vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn và ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt trong đó nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết nội dung vụ án và lý do đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì chị G và anh B đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/11/2018, do đó hôn nhân giữa chị G và anh B là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì đến tháng 02 năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, xích mích nhau, anh B đánh đập chị nhiều lần làm tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Tại thời điểm khởi kiện, chị G trình bày vợ chồng có một con chung là Hồ Văn B, sinh ngày 24/8/2018, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị G thừa nhận con Hồ Văn B là con riêng của chị, được sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn (đăng ký kết hôn ngày 19/11/2018) nên chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết; bị đơn anh B trình bày anh và chị G không có con chung nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Xét thấy, con Hồ Văn B được sinh ra trước thời điểm chị G, anh B xác lập quan hệ hôn nhân, cả chị G và anh B đều thừa nhận Hồ Văn B không phải là con chung của vợ chồng, vợ chồng cũng không có con chung nào khác nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị G và anh B không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả chị G và anh B đều thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Hồ Thị Mỏ G được ly hôn anh Hồ Văn B.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỏ G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0004567 ngày 19/3/2025. (Chị Hồ Thị Mỏ G đã nộp đủ án phí ly hôn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỏ G và bị đơn anh Hồ Văn B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Lệ Thủy;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - Chi cục THADS huyện L;
 - UBND xã T
- (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
 - Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

